

Bản án số: 77/2019/DS-ST

Ngày: 06-11-2019

V/v: “*Tranh chấp về
hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Dũng

2. Ông Hoàng Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2019/QĐXXST-DS ngày 04/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2019/QĐST-DS ngày 21/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1975; địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Quang Ph, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Như T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 14, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà H có mặt; bà T, ông Ph vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2019, bản trình bày ngày 26/8/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh H là nguyên đơn trình bày:

Do chỗ thân quen nên thời gian khoảng từ tháng 10 đến tháng 11/2017 vợ chồng ông Trương Quang Ph và bà Nguyễn Như T cần tiền đáo hạn ngân hàng nên có vay tiền của bà nhiều lần, mỗi lần vay tiền đều viết giấy tờ, đến ngày 14/12/2018 hai bên chốt nợ tại nhà vợ chồng ông Ph ở tổ 14, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, bà T, ông Ph xác nhận còn nợ bà tổng số tiền gốc là 450.000.000 đồng và viết ký thành giấy mượn tiền đề ngày 14/12/2018, lãi suất thỏa thuận miệng 4%/ tháng chứ không ghi cụ thể bao nhiêu phần %, đồng thời hẹn đến ngày 16 tháng 01 năm 2019 sẽ hoàn trả lại toàn bộ tiền gốc và lãi đã vay trên cho bà. Ngoài ra cùng ngày 14/12/2018 bà T viết giấy thừa nhận có nợ tiền lãi của bà 3 tháng với số tiền 48.600.000 đồng hẹn trong vòng 15 ngày sẽ trả đủ tiền lãi cho bà. Tuy nhiên, khi đến hẹn ông Ph, bà T cố tình né tránh không trả nợ cho bà mặc dù bà đã nhiều lần đòi nợ bằng cách gọi điện, đến nhà

vợ chồng bà T để bàn phương pháp trả nợ dần nhưng phía bị đơn đều lần tránh, không hợp tác. Về tiền nợ gốc, lãi kể từ thời điểm chốt nợ ngày 14/12/2018 đến nay ông Ph, bà T không trả cho bà khoản tiền nào. Trước thời điểm viết giấy mượn tiền chốt nợ gốc và nợ lãi ngày 14/12/2018, bị đơn có trả cho bà vài lần khoảng 23.250.000 đồng tiền nợ lãi không có biên nhận giấy tờ gì, đáng lẽ ngoài tiền nợ gốc 450.000.000 đồng bị đơn vẫn còn nợ bà 48.600.000 đồng tiền lãi chưa trả nhưng nay bà không yêu cầu bị đơn trả khoản tiền này, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng khoản tiền lãi bị đơn đã trả cho bà 23.250.000 đồng nêu trên trước thời điểm chốt nợ nay bà đồng ý trừ toàn bộ vào khoản tiền nợ gốc 450.000.000 đồng mà bà đã khởi kiện ban đầu, số tiền nợ gốc vợ chồng ông Ph, bà T còn nợ và phải trả cho bà là 426.750.000 đồng.

Về tiền nợ lãi bà không yêu cầu ông Ph, bà T trả tiền nợ lãi.

Về chứng cứ bà H đã nộp gồm có: 01 giấy mượn tiền đề ngày 14/12/2018 ông Ph, bà T viết, ký nội dung có mượn tiền của bà 450.000.000 đồng, 01 giấy bà T xác nhận có nợ tiền lãi của bà 48.600.000 đồng.

Bị đơn ông Trương Quang Ph và bà Nguyễn Như T không có văn bản trình bày, đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trương Quang Ph và bà Nguyễn Như T, có địa chỉ tại: Tổ 14, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi phải trả khoản tiền còn nợ cho bà. Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án dân sự: “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Ông Trương Quang Ph và bà Nguyễn Như T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, không do trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Ph, bà T.

[2] **Về nội dung:** Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp “*giấy mượn tiền*” đề ngày 14/12/2018 thể hiện nội dung: “bà T có mượn bà H số tiền 450.000.000.000 đồng, bằng chữ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*). Lãi suất thỏa thuận phải chịu là (thỏa thuận). Hẹn tới ngày 16 tháng 01 năm 2019 bà T sẽ hoàn trả lại số tiền cả lãi và gốc nói trên. Nếu tới ngày hẹn mà không hoàn trả đủ cho bà H thì bà H có quyền lấy bất cứ tài sản nào mà bà T có để hoàn trả đủ số tiền đã mượn cộng với tiền lãi. Nay chúng tôi làm giấy này để làm chứng từ.” Phía dưới người mượn tiền bà T, ông Ph ký. Theo trình bày của nguyên đơn tự nguyện khấu trừ 23.250.000 đồng tiền nợ lãi mà ông Ph, bà T đã trả trước thời điểm viết giấy chốt nợ đề giấy mượn tiền ngày 14/12/2018 vào số tiền nợ gốc

450.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 426.750.000 đồng nguyên đơn yêu cầu ông Ph, bà T phải trả dứt điểm cho nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản, thủ tục tố tụng của Tòa án cho ông Trương Quang Ph và bà Nguyễn Như T, thông báo về nội dung nguyên đơn là bà H khởi kiện, yêu cầu ông Ph, bà T phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 426.750.000 đồng cho bà H theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Ph, bà T không nộp văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn, không giao nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Do đó, theo chứng cứ bà H đã giao nộp tại “*giấy mượn tiền*” đề ngày 14/12/2018 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H buộc ông Ph, bà T phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 426.750.000 đồng cho bà H theo Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.1] *Về tiền nợ lãi*: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu bị đơn trả tiền nợ lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.2] *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc ông Trương Quang Ph và bà Nguyễn Như T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H là 21.070.000 đồng, [(20.000.000 đồng + {4% (426.750.000 đồng - 400.000.000 đồng)}].

Bà Nguyễn Thị Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, 228, 235, 266, 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H. Buộc ông Trương Quang Ph và bà Nguyễn Như T phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 426.750.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

2/ Ông Trương Quang Ph và bà Nguyễn Như T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.070.000 đồng (*Hai mươi một triệu, không trăm bảy mươi ngàn đồng*).

3/ Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*) theo biên lai thu số AA/2018/0001454 ngày 30/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với

số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Quang Ph và bà Nguyễn Như T vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS T.P Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Mai Hạnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tấn

Trịnh Thanh

Hoàng Thị Mai Hạnh